TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Bích Vân;

Ông Nguyễn Cao Sơn;

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Sầm Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bằng Văn S, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/4/2024, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sầm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàng Văn S do mai mối nhưng tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Lh, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27 tháng 10 năm 2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2006. Mới kết hôn hai vợ chồng chung

sống bình thường, chung sống được khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, đến khoảng năm 2020 phát sinh mẫu thuẫn trầm trọng, anh Bàng Văn S thay đổi tính cách, không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Bàng Văn S vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với anh Bàng Văn S. Về con chung: Chị và anh Bàng Văn S có 03 con chung, các cháu tên là Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Bàng Văn S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm viễn thông Lộc Bình, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng/tháng-10.000.000 đồng/tháng vẫn đảm bảo nuôi các con chung, ngoài ra chị có mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc các con chung những lúc chị bận việc, anh S không có việc làm, không có thu nhập gì để nuôi các con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2024 anh Bàng Văn S trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H do mai mối nhưng tự nguyện nhất trí chung sống vợ chồng với nhau. Có đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27 tháng 10 năm 2006, số 40, quyển số 01/2006. Anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống và cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng anh không nhất trí ly hôn để các con có đủ bố mẹ. Do vậy chị H xin ly hôn anh không nhất trí. Mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, con cái lớn tính sau. Về con chung: Có 03 con chung, các cháu tên là Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015. Hiện nay vẫn đang sống cùng anh và chị H, anh đang làm tự do nên không có thu nhập ổn định. Anh không nhất trí để chị H nuôi 03 con, yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến gì vì anh không nhất trí ly hôn, chỉ mong muốn về đoàn tụ. Về tài sản chung, nợ chung: Không nhất trí ly hôn nên anh không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2024 các con chung là Bàng Phi Yế sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015 đều có nguyện vọng sống cùng chị H do chị H quan tâm và chăm sóc nhiều hơn.

Tại biên bản làm việc ngày 02/5/2024 bà Bàng Thị C trình bày: Vợ chồng chị H và anh S thường xuyên cãi chửi nhau, anh S ở nhà, không tu trí làm ăn, rượu chè, chơi bời. Anh S không đi làm không có thu nhập gì, chủ yếu chị H đi làm nuôi các con. Bà vẫn hỗ trợ chị H chăm sóc các con chung khi chị H bận công việc.

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2024 ông Bàng Văn P - trưởng thôn T, xã K cho biết: Ông không biết mâu thuẫn giữa chị H và anh S như thế nào, chỉ

thấy anh S gọi ông sang giúp động viên chị H không ly hôn nữa, ông cũng có sang tác động động viên chị H rút đơn ly hôn, còn sự việc giữa chị H và anh S như nào ông không nắm được. Về con chung: Chị H và anh Sinh có 03 người con là Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015; đang sống chung cùng chị H và anh S. Các cháu đã lớn, vẫn được nuôi dưỡng tốt. Ông không nắm được thu nhập của chị H và anh S như thế nào. Việc chị H hay anh S nuôi con ai nuôi tốt hơn thì ông không nắm được vì các cháu vẫn sống chung cùng bố mẹ. Tại thôn T thì mức trung bình để sống và nuôi dưỡng, chăm sóc một đứa trẻ là tối thiểu phải từ 2.000.000 đồng/tháng trở lên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn kể từ khi vụ án được thụ lý đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Sầm Thị H và anh Bàng Văn S kết hôn có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm lạnh nhạt, anh Bàng Văn S cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị H, có căn cứ xác định tình trạng vợ chồng trầm trọng nay anh Bàng Văn S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sầm Thị H. Cả 03 con chung là cháu Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015 trên 07 tuổi có nguyện vọng sống cùng chị Sầm Thị H, chị Sầm Thị H có việc làm và thu nhập ổn định, có mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc các cháu những lúc chị bận việc vì vậy yêu cầu được nuôi con của chị Sầm Thị H là có căn cứ, cần được chấp nhận. Anh Bàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Sầm Thị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Sầm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bàng Văn S, cư trú tại thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sầm Thị H và anh Bàng Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 27/10/2006, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Sầm Thị H và anh Bàng Văn S đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau do bất đồng trong quan điểm sống, cả chị H và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ chỉ vì mong muốn con cái có đủ bố mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy chị H và anh S không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh S mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặt khác anh S vắng mặt không có lý do tại các phiên tòa do vậy cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh S không đạt được mục đích hôn nhân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Sầm Thị H và anh Bàng Văn S có 03 con chung là Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015. Các cháu hiện nay đang sống chung cùng chị H và anh S, cả chị H và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 cháu. Xét thấy nguyên đơn chị Sầm Thị H hiện nay chị đang làm việc tại viễn thông L, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng/tháng-10.000.000 đồng/tháng vẫn đảm bảo nuôi các con chung (có xác nhận thu nhập và công việc ngày 08/5/2024 của Trung tâm Viettel L). Anh Bàng Văn S là lao động tự do, làm ruộng nên không có thu nhập ổn định. Mặt khác cả 03 con chung là các cháu Bàng Thị Hồng V, cháu Bàng Minh N, cháu Bàng Phi Y(đều đủ 07 tuổi) đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc cho các cháu nhiều hơn, mặt khác chị Sầm Thị H có mẹ đẻ là bà Bàng Thị C vẫn hỗ trợ chị H chăm sóc các cháu những lúc chị H bận công việc. Do vậy Hội đồng xét xử giao con 03 con chung là Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009 và Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Sầm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Bàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung do chị Sầm Thị H chưa yêu cầu. Anh Bàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sầm Thị H và anh Bàng Văn S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo

Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sầm Thị H được ly hôn với anh Bàng Văn S. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 40, đăng ký ngày 27/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)*

2. Về con chung: Giao 03 con chung cháu Bàng Phi Y sinh ngày 16/4/2008, cháu Bàng Thị Hồng V, sinh ngày 15/8/2009, cháu Bàng Minh N, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Sầm Thị H được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Bàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung do chị Sầm Thị H chưa yêu cầu.

Anh Bàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Bàng Văn S thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Sầm Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Sầm Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002301 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Chị Sầm Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã K, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai